

Bản án số: 42/2021/HS-ST
Ngày 02/02/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên toà: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Trần Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. ĐOÀN THỊ CẨM V, sinh năm 1991 tại TP. Hồ Chí M

Hộ khẩu thường trú: 213/43/1B đường T, khu phố B, phường T, Quận H, thành phố Hồ Chí M; Chỗ ở: 56 đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Bán vé số; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Cha: Đoàn Văn Đ (1964); Mẹ: Trần Thị Diễm T (1966); Có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Chồng là Võ Quang Ch, sinh năm 1981; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh ngày 02/10/2017;

- Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Năm 2020, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 35/2020/HSST ngày 07/7/2020.

Bị bắt ngày 23/7/2020 (có mặt).

2. NGUYỄN VĂN G (Sáu), sinh năm 1957 tại Bến Tre

Hộ khẩu thường trú: 269F/407 đường N, phường N, Quận M, thành phố Hồ Chí M; Chỗ ở: Phòng trọ 117A đường L, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Cha: Võ Văn L (chết); Mẹ: Nguyễn Thị C (chết); Có 05 anh em, bị cáo là con út; Vợ là Lê Thị K, sinh năm 1966; Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1997;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 02/11/2020, bị Công an phường N, thành phố V xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 422/QĐ-XPHC. Bị cáo chưa đóng phạt.

Bị bắt ngày 23/10/2020 (có mặt).

3. HOÀNG THỊ QUỲNH A (Trên), sinh năm 1980 tại Kiên Giang

Hộ khẩu thường trú: 7/1B đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Chỗ ở: Không ổn định; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Cha: Hoàng Ch (chết); Mẹ: Vũ Thị Ph (chết); Có 02 chị em, bị cáo là con út; Chồng là Dương Quốc V (đã ly hôn); Có 02 con chung với ông V, con lớn sinh năm 1996 (đã chết), con nhỏ sinh năm 2005; Chung sống không đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1981; có 01 con chung với ông K, sinh ngày 28/3/2018;

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 03/8/2020, bị Công an Phường M, thành phố V xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 364/QĐ-XPHC. Bị cáo đã đóng phạt ngày 20/8/2020.

- Nhân thân:

+ Năm 2003, bị TAND thành phố V xử phạt 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 61/2003/HSST ngày 05/5/2003. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và nộp tiền án phí hình sự, dân sự cũng như bồi thường cho bị hại.

+ Năm 2006, bị TAND thành phố V xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 91/2006/HSST ngày 24/3/2006. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào năm 2013, đã nộp tiền án phí hình sự và một phần khoản tiền phạt sung công, phần còn lại đã được miễn giảm nghĩa vụ theo Quyết định số 40/QĐ-MTHA ngày 29/9/2011.

Bị bắt ngày 23/10/2020 (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1936; Địa chỉ: 54/38/8A đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Phú G, sinh năm 1981; Địa chỉ: B22 đường H, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Ông Phạm Văn A, sinh năm 1986; Địa chỉ: 512/1C đường T, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Ông Trần Văn M, sinh năm 1952; Địa chỉ: 680 đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn P, sinh năm 1978; Địa chỉ: 442B đường B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Thị Cẩm V, Hoàng Thị Quỳnh A và Nguyễn Văn G có mối quan hệ quen biết với nhau. Do cần tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 7/2020, V, Quỳnh A và G đã phối hợp cùng nhau, thực hiện nhiều vụ “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” trên địa bàn thành phố V. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 14 giờ ngày 24/5/2020, Đoàn Thị Cẩm V đi ngang qua nhà bà Đoàn Thị T, sinh năm 1936, địa chỉ số 54/38/8A đường H, Phường M, thành phố V thì nhìn thấy nhà bà T đang mở cửa, trong nhà có để một điện thoại di động hiệu Coolpad màu đen và một túi xách hình vuông, bằng vải, kích thước 15cm x 20cm, nên nảy sinh ý định lấy trộm những tài sản này. Quan sát thấy bà T đang ngủ say, V lén lút vào nhà lấy trộm điện thoại và túi xách rồi đem về phòng trọ ở địa chỉ số 56 đường H, Phường M, thành phố V. Tại đây, V kiểm tra túi xách thì thấy bên trong có số tiền 3.500.000 đồng. Sau đó, V đến địa chỉ số 24A đường N, phường T, thành phố V do ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1978, địa chỉ: Xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình mua một xe mô tô hiệu Attila, biển số 72L8-3826 với giá 1.900.000 đồng, chuộc một điện thoại di động đã cầm cố trước đó hết 600.000 đồng, số tiền còn lại V tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện mất tài sản, ngày 25/5/2020, bà Đoàn Thị T đến Công an Phường M, thành phố V trình báo vụ việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 92/KL ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Coolpad trị giá 50.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 16 giờ ngày 24/6/2020, V cùng con trai (khoảng 3 tuổi) đến khách sạn R ở địa chỉ lô B22 đường H, phường N, thành phố V do ông Nguyễn Phú G, sinh năm 1981 làm chủ để thuê phòng 302 nghỉ qua đêm. Đến khoảng 13 giờ ngày 26/6/2020, V gọi điện thoại cho Hoàng Thị Quỳnh A, sinh năm 1980, địa chỉ hẻm 54/1 đường H, phường M, thành phố V đến khách sạn R đưa cơm cho V. Tại đây, V và Quỳnh A bàn nhau lấy trộm tài sản của khách sạn bán lấy tiền. V tháo chiếc tivi hiệu TCL loại 43 inch của phòng 302 xuống thì làm rớt bể, V tiếp tục sang phòng 303 tháo một chiếc tivi hiệu TCL loại 43 inch khác rồi đem về phòng 302. Sau đó, cả hai lấy tấm trải giường của phòng 302 phủ lên chiếc tivi của phòng 303 rồi cùng Quỳnh A đem xuống sảnh. Quỳnh A điều khiển xe máy chở V cùng tài sản trên đi bán được 1.500.000 đồng, mỗi người được 750.000 đồng. V dùng số tiền này tiêu xài hết

Tại bản kết luận định giá tài sản số 140/KL ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự kết luận: 01 tivi hiệu TCL loại 43 inch tại thời điểm bị

chiếm đoạt trị giá 2.250.000 đồng và 01 Chiếc tivi hiệu TCL loại 43 inch trước thời điểm bị hư hỏng trị giá 2.250.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Vào chiều ngày 02/7/2020, V bế con trai (khoảng 3 tuổi) đi ngang qua nhà trọ của ông Phạm Văn A, sinh năm 1986, địa chỉ số 512/1C đường T, Phường , thành phố V thì thấy cửa mở nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong nhà ông A. Quan sát không thấy người trông coi nhà, V vào trong lục soát tủ quần áo thì phát hiện một cọc tiền trị giá 28.800.000 đồng, V giấu số tiền này vào người rồi bỏ đi. V dùng số tiền này tiêu xài cá nhân hết khoảng 4.000.000 đồng, V cho Quỳnh A 400.000 đồng, cho G 300.000 đồng tiêu xài cá nhân. Quỳnh A biết rõ số tiền này do V trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ, còn G không biết nguồn gốc số tiền V cho. Ngoài ra V còn khai: Trong số tiền trộm được của ông A, V gửi 8.000.000 đồng cho một người phụ nữ tên Út (không rõ nhân thân, lai lịch), còn lại V cất giấu trong người. Khi V bế con đi đến khu chợ B thì bị ông A phát hiện, V giao trả số tiền 14.400.000 đồng cho ông A và vẫn còn cất giữ trong người số tiền 1.700.000 đồng. Sau đó, V đến gặp bà Út lấy lại số tiền 8.000.000 đồng rồi nhờ Quỳnh A đem trả cho ông A tổng số tiền 9.700.000 đồng.

Tuy nhiên, qua điều tra xác định, số tiền ông Anh bị V chiếm đoạt là 28.800.000 đồng, số tiền V trực tiếp trả cho ông Anh là 14.400.000 đồng, số tiền V nhờ Quỳnh A mang tới nhà trả cho ông Anh là 6.800.000 đồng. Tổng cộng, ông A đã thu hồi được 21.200.000 đồng. Nên ông A yêu cầu V hoàn trả cho ông số tiền còn lại là 7.600.000 đồng.

Vụ thứ tư:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 08/10/2020, Hoàng Thị Quỳnh A và Nguyễn Văn G đến địa chỉ số 680 đường B, Phường M, thành phố V và phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển số 95D1 – 192.41 của ông Trần Văn M, sinh năm 1952, địa chỉ số 680 B, Phường M, thành phố Vũng Tàu dựng trong nhà, trên xe vẫn cắm chìa khóa. Lợi dụng thời điểm không có ai trông coi, G và Quỳnh A bàn bạc với nhau về việc trộm cắp xe mô tô trên. G đi vào bên trong, dắt chiếc xe máy ra bên ngoài, Quỳnh A chịu trách nhiệm canh giới. Sau khi lấy được chiếc xe mô tô trên, G điều khiển xe chở Quỳnh A đến cửa hàng mua bán xe C, địa chỉ số 422B đường B, phường N, thành phố V do ông Lê Văn P, sinh năm 1978, địa chỉ ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh làm chủ, để bán chiếc xe máy trên. Khi đó, G và Quỳnh A kiểm tra cốp xe, thấy có giấy cầm đồ, chủ xe đã cầm giấy đăng ký chiếc xe trên. Do không có tiền chuộc giấy đăng ký xe, ông P đã đưa 600.000 đồng cho Quỳnh A đến tiệm cầm đồ P, đường N, thành phố V chuộc giấy đăng ký xe về. Sau đó, Quỳnh A cùng G đã bán xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển kiểm soát 95D1 – 192.41 cho ông P với giá 4.500.000 đồng (Do đã đưa cho Quỳnh A 600.000 đồng từ trước để chuộc giấy tờ xe nên ông P đưa tiếp số tiền còn lại là 3.900.000 đồng). Sau khi bán xe xong, G chia cho Quỳnh A 1.900.000 đồng, cả hai sử dụng 800.000 đồng để mua ma túy sử dụng, số tiền còn lại, cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 196/KL – HĐĐG – TTHS ngày 02 tháng 11 năm 2020 của của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng Hình sự kết luận: 01 xe mô tô hiệu

Yamaha Sirius màu đen, biển số 95D1 – 192.41, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá là 4.500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Đoàn Thị Cẩm V, Hoàng Thị Quỳnh A và Nguyễn Văn G khai nhận hành vi phạm tội như trên (Bút lục điều tra từ số 111 đến số 133).

Việc thu giữ và xử lý vật chứng bao gồm:

1. Những tài sản, vật chứng thu giữ đã xử lý:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Coolpad và 01 túi vải hình vuông, kích thước 15 cm x 20cm, bên trong có một áo vải màu tím đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Đoàn Thị T.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển kiểm soát 95D1 – 192.41, số khung: C6J0EY092331; số máy: 5C6J092336 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 021237, đăng ký ngày 27/6/2014 tại Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Hậu Giang đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Trần Văn M.

- 01 (một) tivi hiệu TCL loại 43 inch màu đen bị bể màn hình đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Phú G.

2. Những tài sản, vật chứng thu giữ chưa xử lý (Cơ quan thi hành án quản lý):

- 01 (một) xe mô tô hiệu Attila biển kiểm soát 72L8-3826 và giấy đăng ký xe mang tên Đàm Văn H do V dùng tiền trộm cắp của bà T mua của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1978, địa chỉ số 24A đường N, phường T, thành phố V. Qua xác M, ông C mua lại chiếc xe mô tô trên từ một người không rõ lai lịch, giấy tờ xe mang tên Đàm Văn H, sinh năm 1980, địa chỉ số 46/11 đường Đ, Phường B, thành phố V. Tuy nhiên, ông H hiện nay không còn sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe mô tô nói trên nhưng không có kết quả.

- 01 (một) DVD ghi lại hình ảnh V trộm cắp tài sản của khách sạn R; 01 (một) USB ghi lại hình ảnh V trộm cắp tài sản của ông Phạm Văn A và 01 (một) giấy mua bán xe giữa ông Nguyễn Văn C và Đoàn Thị Cẩm V, tiếp tục lưu giữ những vật chứng này theo hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Trần Văn M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường.

- Bà Đoàn Thị T đã nhận lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Coolpad và 01 túi vải hình vuông, kích thước 15 cm x 20cm, bên trong có một áo vải màu tím và yêu cầu bị cáo V có trách nhiệm tiếp tục bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.

- Ông Nguyễn Phú G đã nhận lại 01 (một) tivi hiệu TCL loại 43 inch bị hư hỏng hoàn toàn (không sửa chữa được). Yêu cầu bị cáo V, Quỳnh A có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 10.000.000 đồng đối với 02 chiếc tivi.

- Ông Phạm Văn A đã nhận lại tổng số tiền 21.200.000 đồng và yêu cầu bị cáo V có trách nhiệm tiếp tục bồi thường số tiền 7.600.000 đồng.

- Ông Lê Văn P xác định gia đình bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A đã hoàn trả đủ số tiền ông P bỏ ra mua chiếc xe Sirius biển số 95D1 – 192.41 nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nào thêm.

* Đối với hành vi tháo chiếc tivi hiệu TCL loại 43 inch màu đen ở phòng 302 khách sạn R, mặc dù ban đầu V có ý định trộm cắp tài sản này nhưng trong quá trình tháo gỡ, V làm rớt bể nên đã bỏ lại chiếc tivi này tại phòng 302. Việc V không tiếp tục lấy tài sản này đem ra khỏi khu vực quản lý khách sạn là hoàn toàn do ý thức chủ quan của V, do đó đây là trường hợp “Tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm” nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với V. Tuy nhiên, V phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự cho ông Nguyễn Phú G về tài sản này.

* Bản cáo trạng số 15/CT-VKSVT ngày 29/12/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Đoàn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đối với bị cáo Đoàn Thị Cẩm V: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt tù 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã tuyên theo bản án số 35/2020/HS-ST ngày 07/7/2020 của TAND huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với bị cáo.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn G: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt tù 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Đối với bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt tù 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt mức án tù 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đề nghị áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của hai tội danh đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử;

- Tịch thu sung quỹ 01 (một) xe mô tô hiệu Attila biển số 72L8-3826 và giấy đăng ký xe mang tên Đàm Văn H.

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ 01 (một) DVD ghi lại hình ảnh bị cáo V trộm cắp tài sản của khách sạn R; 01 (một) USB ghi lại hình ảnh bị cáo V trộm cắp tài sản của ông Phạm Văn A và 01 (một) giấy mua bán xe giữa ông Nguyễn Văn C và Đoàn Thị Cẩm V.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận và buộc bị cáo Đoàn Thị Cẩm V bồi thường cho bà Đoàn Thị T số tiền 3.500.000 đồng; bồi thường cho ông Phạm Văn A số tiền

7.600.000 đồng; Ghi nhận và buộc bị cáo Đoàn Thị Cẩm V và Hoàng Thị Quỳnh A bồi thường cho ông Nguyễn Phú G số tiền 10.000.000 đồng, theo đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Gia số tiền 5.000.000 đồng.

- Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát. Các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo V trình bày hoàn cảnh khó khăn, cả hai vợ chồng bị cáo đều bị xử lý về hình sự, bị cáo đang bị tạm giam, chồng đang chấp hành hình phạt tù. Các con bị cáo không ai nuôi dưỡng nên các cơ quan chức năng đã làm thủ tục đưa các con vào trung tâm bảo trợ xã hội. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

- Bị hại là ông Trần Văn M, ông Phạm Văn A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn P quá trình điều tra đã nêu rõ yêu cầu đề nghị giải quyết và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị T và ông Nguyễn Phú G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, quá trình điều tra đã nêu rõ yêu cầu đề nghị giải quyết. Việc vắng mặt của các bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt các ông bà nêu trên.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Lợi dụng sơ hở của các bị hại trong việc quản lý, trông coi tài sản, trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 10/2020, bị cáo Đoàn Thị Cẩm V, Hoàng Thị Quỳnh A và Nguyễn Văn G đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gồm: Vụ thứ nhất xảy ra tại số 54/38/8A đường H, Phường M, thành phố V, bị cáo V đã lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu Coolpad và 01 (một) túi vải hình vuông, kích thước 15 cm x 20cm, bên trong có 01 (một) áo vải màu tím và số tiền 3.500.000 đồng của bà Đoàn Thị T, tổng trị giá 3.550.000 đồng. Vụ thứ hai xảy ra tại khách sạn R ở địa chỉ lô B22 đường H, phường N, thành phố V, bị cáo V cùng bị cáo Quỳnh A đã lấy trộm 01 (một) tivi hiệu TCL loại 43 inch màu đen của ông Nguyễn Phú G, trị giá 2.250.000

đồng. Vụ thứ ba xảy ra tại số nhà 512/1C đường T, Phường T, thành phố V, bị cáo V đã lấy trộm 28.800.000 đồng của ông Phạm Văn A. Vụ thứ tư xảy ra tại số 680 đường B, Phường M, thành phố V, bị cáo Quỳnh A cùng với bị cáo G đã lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển số 95D1 – 192.41 của ông Trần Văn M, trị giá 4.500.000 đồng.

Như vậy, Bị cáo Đoàn Thị Cẩm V thực hiện 03 vụ trộm cắp (02 vụ thực hiện 01 mình, 01 vụ thực hiện với bị cáo Quỳnh A), với đã tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của các bị hại là 34.600.000 đồng. Bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A thực hiện 02 vụ trộm cắp (tham gia với bị cáo V 01 vụ, với bị cáo G 01 vụ) Tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt của các bị hại là 6.750.000 đồng. Bị cáo G thực hiện 01 vụ trộm cắp cùng với bị cáo Quỳnh A với giá trị tài sản đã chiếm đoạt của bị hại là 4.500.000 đồng.

Riêng bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A biết rõ số tiền 400.000 đồng bị cáo V cho Quỳnh A là do V trộm cắp được mà có nhưng vẫn tiêu thụ.

Hành vi của bị cáo Đoàn Thị Cẩm V và Nguyễn Văn G đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi của bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng; ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Gây bất an, lo lắng cho xã hội. Do đó, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian đủ mức để đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Đoàn Thị Cẩm V phạm tội nhiều lần, nhân thân xấu. Ngoài ra, những lần phạm tội đang bị xét xử này bị cáo thực hiện trong thời gian được tại ngoại chờ xét xử của Tòa án nhân dân huyện Đ, thể hiện sự bất chấp, coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, khi xem xét lượng hình cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi, mức độ và nhân thân của bị cáo, để đủ mức răn đe giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo V bị Viện kiểm sát đề nghị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng theo điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự “Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên” là tình tiết tăng nặng liên quan đến vụ trộm cắp tài sản của bị cáo V đã thực hiện đối với bị hại là bà Đoàn Thị T, sinh năm 1936: Xét thấy bị cáo bị xét xử về hành vi “Trộm cắp tài sản” là hành vi lén lút, nhằm chiếm đoạt về tài sản. Hành vi của bị cáo không lợi dụng, không tác động lớn, trực tiếp đến điều kiện của đối tượng là người từ đủ 70 tuổi trở lên, để xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm...Nên không áp dụng thêm tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo như Viện kiểm sát đã đề xuất.

Bị cáo Nguyễn Văn G không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu. Ngày 02/11/2020, bị cáo G bị Công an phường N, thành phố V xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 422/QĐ-XPHC.

Bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A phạm tội nhiều lần, phạm nhiều tội, nhân thân xấu, là con nghiện. Bản thân đã bị kết án, chấp hành hình phạt trong thời gian dài nhưng chưa thực sự ăn năn, quyết tâm cải tạo nhằm hoàn lương. Vì vậy, cần có mức án tương xứng, phù hợp với hành vi, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo V đã trả lại gần đủ số tiền đã chiếm đoạt cho ông Phạm Văn A. Ngoài ra, xét hoàn cảnh bị cáo V thuộc diện khó khăn, đang nuôi 03 con nhỏ, chồng bị cáo hiện cũng đang chấp hành hình phạt tù. Bị cáo Quỳnh A đã tác động gia đình hoàn lại số tiền mà ông P bỏ ra mua xe bị cáo trộm cắp. Do đó áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo V và bị cáo Quỳnh A đối với hành vi trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo V khi lượng hình là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ 01 (một) DVD ghi lại hình ảnh bị cáo V trộm cắp tài sản của khách sạn R; 01 (một) USB ghi lại hình ảnh bị cáo V trộm cắp tài sản của ông Phạm Văn A và 01 (một) giấy mua bán xe giữa ông Nguyễn Văn C và Đoàn Thị Cẩm V.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Attila, biển số 72L8-3826 và giấy đăng ký xe mang tên Đàm Văn H, là tài sản do V dùng tiền trộm cắp của bà T để mua. Bà T vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo đã có trách nhiệm bồi thường toàn bộ cho bà T. Ngoài ra, qua xác minh chưa rõ về chủ sở hữu. Vì vậy, xác định đây là phần thu lợi bất chính nên tịch thu sung công quỹ.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận và buộc bị cáo Đoàn Thị Cẩm V có trách nhiệm bồi thường cho bà Đoàn Thị T số tiền 3.500.000 đồng, cho ông Phạm Văn A số tiền 7.600.000 đồng.

Do bị cáo Đoàn Thị Cẩm V và Hoàng Thị Quỳnh A thống nhất nên ghi nhận và buộc 02 bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Phú G tổng cộng 10.000.000 đồng (Bao gồm giá trị tài sản bị chiếm đoạt và tài sản bị thiệt hại là 02 chiếc tivi). Theo đó, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông G số tiền 5.000.000 đồng.

Ông P đã nhận đủ số tiền bỏ ra mua xe, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Buộc bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là 400.000 đồng để sung công quỹ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Thị Cẩm V, Nguyễn Văn G (Sáu) phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A (Trân) phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Về hình phạt:

1. Đối với bị cáo Đoàn Thị Cẩm V: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Đoàn Thị Cẩm V 20 (hai mươi) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã tuyên theo bản án số 35/2020/HS-ST ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành của hai bản án là 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2020.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Giới: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn G 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2020.

3. Đối với bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Hoàng Thị Quỳnh A 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Hoàng Thị Quỳnh A 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hình phạt của hai tội, hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2020.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu sung công quỹ 01 (một) xe mô tô hiệu Attila biển số 72L8-3826, số khung 5MD9D 004388, số máy TFA-D 004388 và giấy đăng ký xe mang tên Đàm Văn H.

Thực hiện xử lý vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 13/BB.THA ngày 26/10/2020 (BL153a) của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V.

* Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận và buộc bị cáo Đoàn Thị Cẩm V có trách nhiệm bồi thường cho bà Đoàn Thị T số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng), ông Phạm Văn A số tiền 7.600.000đ (bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ghi nhận và buộc bị cáo Đoàn Thị Cẩm V và Hoàng Thị Quỳnh A, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Phú G số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Buộc bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng) để sung công quỹ.

*** Về Án phí:**

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).
- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Đoàn Thị Cẩm V phải nộp 805.000đ (tám trăm lẻ năm ngàn đồng). Bị cáo Hoàng Thị Quỳnh A phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường khoản tiền trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh BR–VT (PV06, PC10);
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

